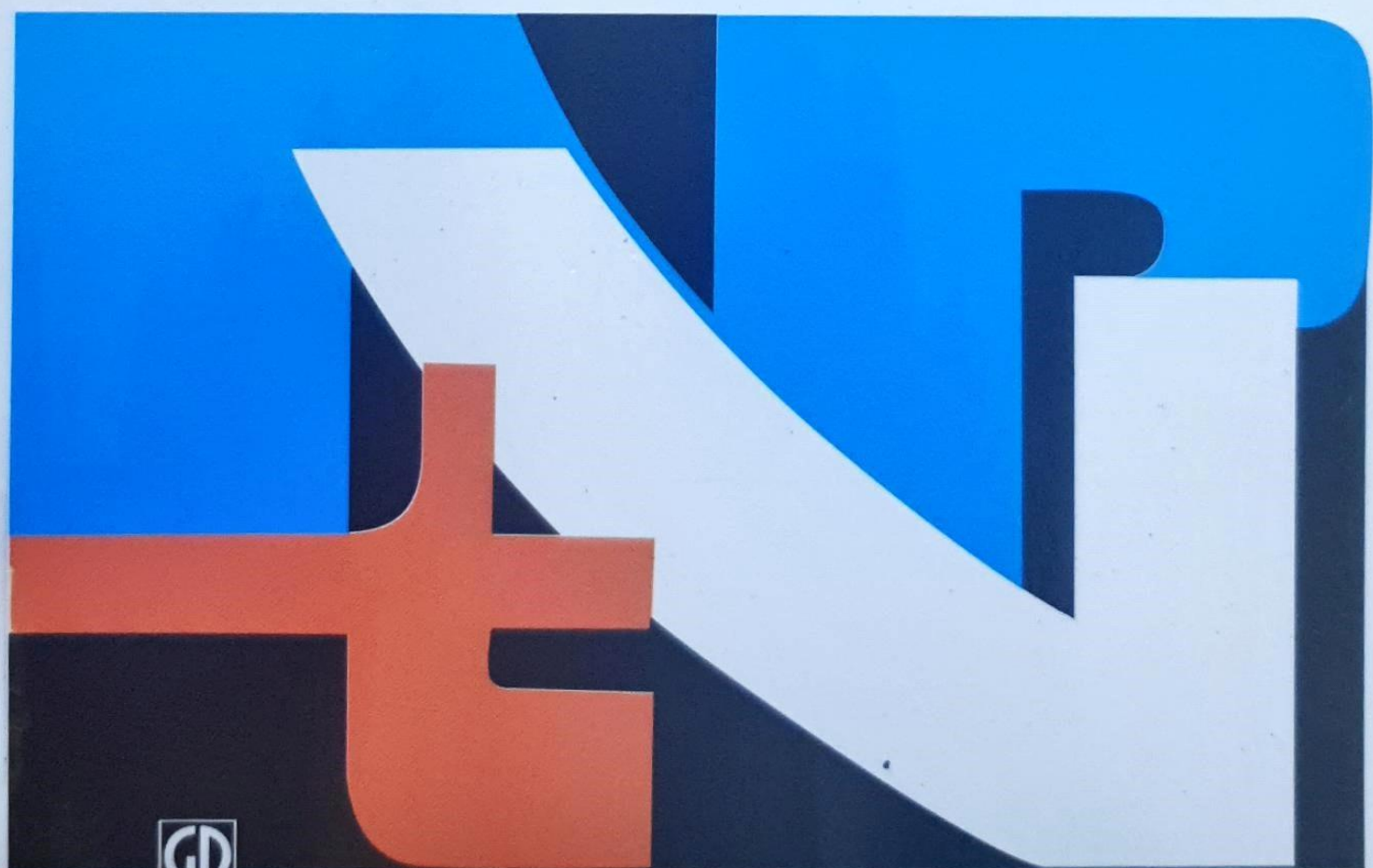


Ngữ pháp tiếng Việt

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Diệp Quang Ban

NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

Phân bố: Các tạo từ từ xét ở phương diện cấu tạo ngữ pháp
do Diệp Quang **TẬP HAI**

(Đã được Hội đồng thẩm định sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường Đại học Sư phạm)

(Tái bản lần thứ mười chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Bộ sách **Ngữ pháp tiếng Việt** gồm hai tập (do Diệp Quang Ban chủ biên) được biên soạn theo chương trình cải tiến dùng cho sinh viên khoa Ngữ văn các trường Đại học sư phạm trong cả nước.

Tập một (in lần đầu 1991) gồm có :

Mở đầu : (do Diệp Quang Ban viết)

Phần một : Cấu tạo từ (từ xét ở phương diện cấu tạo ngữ pháp – do Diệp Quang Ban viết)

Phần hai : Từ loại (do Hoàng Văn Thung viết)

Tập hai (do Diệp Quang Ban viết) (in lần đầu 1992) gồm có :

Phần ba : Cụm từ

Phần bốn : Câu

Cho đến nay, khá nhiều công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt đã ra đời. Ính kế thừa của bộ sách này thể hiện rất rõ ở chỗ các tác giả đã trình bày các hiện tượng ngôn ngữ theo cách truyền thống. Sự tiếp thụ các thành tựu chung của việc nghiên cứu tiếng Việt trong nhiều năm gần đây thể hiện trong cách lí giải những hiện tượng có vấn đề căn cứ vào những nghiên cứu của nhiều cá nhân đồng thời có định hướng vào môn Ngôn ngữ học văn bản tiếng Việt, như hiện tượng về câu đơn, câu phức, câu ghép, về câu đặc biệt, câu dưới bậc (hay ngữ trực thuộc), về câu bị động, câu phủ định...

Mặt khác, việc chú ý đến mặt nghĩa học và mặt dụng học, đưa chúng vào những chỗ cần thiết, giúp làm sáng tỏ hoặc lí giải chúng theo một cách nào đó, cũng là một cách tiếp cận tích cực

trong việc nghiên cứu ngữ pháp định hướng vào chức năng giao tiếp của ngôn ngữ.

Việc trình bày các hiện tượng ngữ pháp ở đây được chia thành nhiều lớp từ nông đến sâu. Những phần phân loại và giải thích những hiện tượng nhỏ là thuộc về lớp sâu. Chúng giúp cho những người muốn tra cứu những hiện tượng cụ thể có điều kiện hiểu kỹ hơn. Còn khi đọc hoặc trình bày với người học thì tùy đối tượng có thể dừng lại ở những bậc khái quát hơn. Vả lại, rất hiển nhiên là một khi đã viển đến nghĩa học và dụng học thì phần chi tiết, phần đa giải pháp là những phần không thể tránh khỏi trong khi miêu tả ngữ pháp của một ngôn ngữ.

Riêng về phần tác giả tập hai này, một số công trình về ngữ pháp tiếng Việt của tác giả cũng đã được xuất bản. Vì vậy trong bộ sách này, những quan điểm, cách phân loại, cách lí giải vấn đề cũng không thể khác xa những điều tác giả đã công bố, song chúng được sắp xếp, mở rộng, nâng cao, định hướng theo yêu cầu của chương trình.

Bộ sách đã được Hội đồng thẩm định sách đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (phần thuộc Bộ Giáo dục cũ) giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường Đại học Sư phạm.

Sách này cũng là tài liệu tham khảo cần thiết đối với giáo viên dạy tiếng Việt, giáo sinh các trường Cao đẳng Sư phạm.

Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc và mong nhận được những ý kiến nhận xét, góp ý để cuốn sách được sửa chữa tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

3

PHẦN BA – CỤM TỪ

5

Chương I – Khái quát về cụm từ

5

I – Tổ hợp từ tự do

5

II – Cụm từ và ngữ cố định

6

III – Cụm từ nửa cố định hay "ngữ"

8

IV – Cụm từ chủ vị, cụm từ đẳng lập, cụm từ chính phụ

9

V – Cấu tạo chung của cụm từ

15

VI – Thành tố chính của cụm từ

16

VII – Thành tố phụ của cụm từ

17

VIII – Phân tích câu ra thành cụm từ

23

Chương II – Cụm danh từ

24

I – Nhận xét chung về cụm danh từ

24

II – Phân trung tâm cụm danh từ

25

§1. Những lớp con danh từ – thành tố chính có thể
đứng trực tiếp sau số từ số đếm

26

1) Danh từ chỉ loại. 2) Danh từ tập thể. 3) Danh từ đơn vị đại lượng.
4) Danh từ đơn vị hành chính, nghề nghiệp. 5) Danh từ chỉ không gian.
6) Danh từ đơn vị thời gian. 7) Danh từ chỉ lần tồn tại của hoạt động,
trạng thái. 8) Danh từ chỉ màu sắc, mùi vị, âm thanh. 9) Danh từ chỉ
người. 10) Danh từ trừu tượng.

§2. Các kiểu ý nghĩa khái quát cần phân biệt ở
danh từ thành tố chính

32

1) Ý nghĩa đơn vị rời và ý nghĩa đơn vị số lượng. 2) Ý nghĩa đơn
vị rời và ý nghĩa của danh từ tập thể. 3) Ý nghĩa đơn vị rời và ý
nghĩa chỉ loại. 4) Mối quan hệ giữa ý nghĩa đơn vị rời và ý nghĩa
đơn vị đại lượng, ý nghĩa của danh từ tập thể, ý nghĩa chỉ loại.

§3. Những danh từ chỉ loại thường gặp	36
---------------------------------------	----

1) Danh từ chỉ loại đi với danh từ vật thể. 2) Danh từ chỉ loại đi với danh từ chất thể. 3) Danh từ chỉ loại đi với danh từ chỉ hiện tượng thời tiết. 4) Danh từ chỉ loại dùng theo phép chuyển nghĩa. 5) Danh từ chỉ loại chung.

§4. Dùng danh từ sau số từ không cần từ chỉ loại	44
--	----

III – Phần phụ trước của cụm danh từ	44
--------------------------------------	----

§1. Vị trí từ chỉ xuất (vị trí – 1)	45
-------------------------------------	----

§2. Vị trí từ chỉ số lượng (vị trí – 2)	47
---	----

§3. Vị trí từ chỉ tổng lượng (vị trí – 3)	53
---	----

IV – Phần phụ sau của cụm danh từ	56
-----------------------------------	----

§1. Vị trí từ nêu đặc trưng miêu tả (vị trí 1)	57
--	----

§2. Vị trí từ chỉ định (vị trí 2)	61
-----------------------------------	----

Chương III – Cụm động từ	62
---------------------------------	----

I – Nhận xét chung về cụm động từ	62
-----------------------------------	----

II – Phần trung tâm của cụm động từ	63
-------------------------------------	----

§1. Thành tố chính là một động từ	65
-----------------------------------	----

A) Động từ không độc lập ở cương vị thành tố chính cụm động từ
 B) Động từ độc lập ở cương vị thành tố chính cụm động từ :
 1) Các lớp động từ – thành tố chính phân loại dựa vào khả năng kết hợp với các phụ từ. 2) Các lớp động từ – thành tố chính phân loại dựa vào khả năng kết hợp với các thực từ. C) Động từ cấu tạo theo khuôn lấy và khuôn tách xen giữ vai trò thành tố chính cụm động từ.

§2. Ngữ "khứ hồi" giữ vai trò thành tố chính cụm động từ.	72
---	----

III – Phần phụ trước của cụm động từ	74
--------------------------------------	----

§1. Những phụ từ làm thành tố phụ trước cụm động từ	74
---	----

§2. Những thực từ làm thành tố phụ trước cụm động từ	79
--	----

§3. Chung quanh việc xác định thành tố phụ trước cụm động từ	80
--	----

- A) Trạng ngữ : 1) Trạng ngữ chỉ không gian và thời gian. 2) Trạng ngữ chỉ tình hình. 3) Trạng ngữ chỉ nguyên nhân. 4) Trạng ngữ chỉ mục đích. 5) Trạng ngữ chỉ điều kiện/ giả thiết. 6) Trạng ngữ chỉ ý nhượng bộ. B) Để ngữ. C) Phụ ngữ của câu : 1) Phụ ngữ câu chỉ quan hệ khách quan. 2) Phụ ngữ câu chỉ tình thái (chủ quan). 3) Phụ ngữ câu nêu lời gọi – đáp đưa đẩy. D) Giải ngữ của câu. E) Liên ngữ.

IV – Câu đơn mở rộng thành phần câu : thành phần phụ của từ 177

§1. Về việc xác định thành phần phụ của từ 179

§2. Phân loại thành phần phụ của từ 180

- A) Định ngữ : 1. Định ngữ chỉ lượng. 2) Định ngữ miêu tả. B) Bỏ ngữ : 1. Bỏ ngữ – đối thể. 2. Bỏ ngữ – chủ thể. 3) Bỏ ngữ hoàn cảnh. C) Phụ ngữ của từ. D) Giải ngữ của từ.

V – Một kiểu "câu" trong văn bản : câu dưới bậc 192

§1. Hiện tượng câu dưới bậc 192

§2. Phân loại câu dưới bậc 194

- A) Câu dưới bậc có tính vị ngữ tự thân (hay là câu đơn hai thành phần vế chủ ngữ : 1) Câu đơn khuyết chủ ngữ. 2) Câu đơn ẩn chủ ngữ. B) Câu dưới bậc có tính vị ngữ lâm thời : 1) Câu dưới bậc tương đương với chủ ngữ. 2) Câu dưới bậc tương đương với thành phần phụ của câu. 3) Câu dưới bậc tương đương với thành phần phụ của từ.

§3. Hướng liên kết của câu dưới bậc 199

- 1) Câu dưới bậc hướng lùi. 2) Câu dưới bậc hướng tới.

- 3) Câu dưới bậc hai hướng.

Chương II – Câu ghép 201

I – Bàn thêm về sự phân biệt câu đơn, câu ghép 201

II – Phân loại câu ghép 205

§1. Câu ghép có kết từ 206

- A) Câu ghép đẳng lập. B) Câu ghép chính phụ : 1) Câu ghép có quan hệ nguyên nhân – hệ quả. 2) Câu ghép có quan hệ điều kiện/giả thiết –

hệ quả. 3) Câu ghép có quan hệ nhượng bộ – tăng tiến. 4) Câu ghép có quan hệ mục đích – sự kiện.

§2. Câu ghép có phụ từ liên kết (câu ghép qua lại)	211
§3. Câu ghép không có từ liên kết (câu ghép chuỗi)	212
III – Khả năng tách vế của câu ghép ra thành câu riêng	215
§1. Tách vế của câu ghép đẳng lập và câu ghép chuỗi	215
§2. Tách vế của câu ghép chính phụ	216
§3. Tách vế của câu ghép qua lại	219
IV – Câu ghép nhiều bậc	220
Chương III – Câu phân loại theo mục đích nói	224
I – Câu tường thuật	225
II – Câu nghi vấn	226
§1. Câu nghi vấn có đại từ nghi vấn	227
§2. Câu nghi vấn có kết từ "hay" và câu nghi vấn có phụ từ nghi vấn	229
§3. Câu nghi vấn có tiểu từ chuyên dụng	232
§4. Câu nghi vấn dùng ngữ điệu	233
III – Câu mệnh lệnh	235
IV – Câu cảm thán	237
Chương IV – Câu phủ định	240
I – Một cách hiểu về câu phủ định theo quan điểm ngữ pháp	240
II – Phân loại hiện tượng phủ định trong tiếng Việt	242
1) Yếu tố phủ định làm thành câu đặc biệt. 2) Câu có vị ngữ bị phủ định. 3) Câu có chủ ngữ bị phủ định. 4) Câu có thành phần phụ phủ định nòng cốt câu. 5) Câu có thành phần phụ của từ và thành phần phụ của câu bị phủ định. 6) Hiện tượng phủ định ở câu đặc biệt.	
III – Phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ	247
Tài liệu tham khảo	249
	259

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập lần đầu: NGUYỄN NGHIỆP

Biên tập tái bản: THÂN THUY TRANG

Biên tập kỹ thuật : TRẦN THANH HẰNG

Sửa bản in : NGUYỄN TRÍ SƠN

Chế bản : CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm.

NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT - TẬP 2

Mã số: 7X293h9-DAI

In 500 bản (QĐ in số : 77), khổ 14,5 x 20,5 cm.

Đơn vị in : In tại Nhà Xuất Bản Xây Dựng.

Số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cơ sở in : Số 10 Hoa Lư, Hà Nội

Số ĐKXB : 4077-2019/CXBIPH/8-1403/GD.

Số QĐXB : 5717/QĐ-GD-HN ngày 24 tháng 12 năm 2019.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2020.

Mã số ISBN : Tập 1 : 978-604-0-08451-4

Tập 2 : 978-604-0-19433-6